

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày 16/08/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q , TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh

Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Ngọc Trung và Bà Lương Thị Diễm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/08/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 21/07/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 02/08/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Văn L . Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 15/6/1977. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản Chăm, xã P huyện Q , tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn Giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 9/12. Bố: Hà Huy T , sinh năm 1940, mẹ: Ngân Thị H , sinh năm: 1959. Vợ: Lương Thị Đ . (Đã chết). Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản Chăm, xã P huyện Q , tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án: Tại bản án số 187/2006/HSST ngày 18/7/2006 Hà Văn L bị TAND tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 02 năm tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, 05 năm tù về tội *Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*, tổng hợp hình phạt là 07 năm tù, và phải chịu 50.000đ án phí sơ thẩm, 223.000đ tiền án phí dân sự, phải bồi thường số tiền 4.470.000đ. Hà Văn L đã thi hành xong phần hình sự của bản án, nhưng chưa thi hành xong phần án phí và phần bồi thường dân sự của bản án.

Tiền sự: Không.

Nhân thân bị cáo: Tại bản án số 10/HSST ngày 17/9/1999 của TAND huyện Q tuyên phạt Hà Văn L 18 tháng tù giam về tội *Cưỡng đoạt tài sản công dân*, phần dân sự buộc phải bồi thường 545.00đ (*năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*),

và 100.000 (một trăm nghìn đồng) tiền án phí. Hà Văn L đã thi hành xong phần hình sự và án phí, chưa thi hành xong khoản bồi thường trong bản án.

Bị tạm giữ ngày 20/12/2022, chuyển tạm giam ngày 29/12/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Ngô Văn T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 02/3/1990. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ thị Trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 9/12. Bố: Ngô Văn H, sinh năm 1957; mẹ: Vũ Thị P, sinh năm: 1957. Vợ: Trương Thị T, sinh năm: 1989. Có một con, sinh năm 2009. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Điều trú tại Tổ dân phố Đ thị Trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 20/12/2022, chuyển tạm giam ngày 29/12/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Ngân Văn T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 07/8/1995. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: tại Bản Chăm, xã P huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn Giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hóa: 12/12; Bố: Ngân Văn M (Đã chết). Mẹ: Hà Thị Y. Sinh năm: 1971. Vợ: Bùi Thị L. Sinh năm: 2000. Có hai con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền sự: 01. Ngày 10/8/2021 bị Công an xã P, huyện Q ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, theo quy định điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

Tiền án: Không.

Bị tạm giữ ngày 22/12/2022, chuyển tạm giam ngày 31/12/2022, tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Hà Văn C, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Bản Chăm, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa

+ Ngân Văn L, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Bùi Nguyên Q, sinh năm: 2000. Nơi cư trú: Thôn Cốc, C, C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Cao Hồng Đ, sinh năm: 1996. Nơi cư trú: Thôn Kim Mẫn, C, C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 20/12/2022 Ngô Văn T đi từ nhà lên quán Karaoke T H ở khu 3 thị trấn H . Tại đây T ăn cơm cùng Bùi Nguyên Q , Trương Văn Đ (cùng quê C với T) là nhân viên quán. Sau khi ăn cơm xong Ngô Văn T n bảo Bùi Nguyên Q gọi điện cho Hà Văn L trú tại bản Chằm, xã P , sau khi Q gọi điện và đưa máy cho T nói chuyện với L nội dung như sau: “Tí nữa em xuống nhà anh chơi”, L trả lời “Đạo này anh bí lắm, nếu có tiền chuyển tiền để anh đi mua về cho mà chơi”, T đồng ý chuyển cho L 1.000.000đ (*một triệu đồng*) và bảo L gửi số tài khoản để T chuyển tiền qua tài khoản. L gửi tài khoản số 9704229201653191285 thuộc ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MB qua điện thoại của Q . Sau đó T đưa 1.000.000đ (*một triệu đồng*) tiền mặt cho T là chủ quán Karaoke, để T chuyển tiền từ tài khoản của Hà Thị H là vợ của T qua tài khoản L 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Sau khi nhận được tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*) của Ngô Văn T chuyển. Hà Văn L thuê xe ô tô của anh Phạm Bá N , (ở cùng bản Chằm xã P với L), đi lên xã T để mua ma túy. Đến cây xăng thuộc địa phận xóm Thanh Mai, xã , huyện M , tỉnh H , L xuống xe chuyển tiền qua tài khoản và lấy số tiền mặt 1.000.000đ (*một triệu đồng*), xong tiếp tục lên xã T . Khi đi đến khu vực bản Ta Bán, xã T , L bảo anh N dừng xe chờ, còn L đi bộ một mình trên đường đi thì gặp một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ, L hỏi thì được người đàn ông này bán cho một gói ma túy dạng viên với giá 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Mua được ma túy L đi ra xe rồi bảo anh N chở về nhà. Khi về đến nhà, L nhìn thấy trong nhà đã có T , Q , Đ , L sau đó thì có T , C (C là em trai của L) cùng ở bản Chằm vào nhà. Vào nhà, L đi thẳng xuống bếp, lấy gói ma túy trong người ra và lấy khoảng 10 viên ma túy, số còn lại trong túi nilon L cất giấu trong lỗ gạch trên tường, xong L cầm ống tự hút chế (cóng) đi lên phòng khách để số viên ma túy trên bàn và bảo T phục vụ cả nhóm cùng sử dụng ma túy. T bỏ ma túy lên tờ giấy bạc (loại dùng để nướng thực phẩm) rồi dùng bật lửa đốt ma túy, lần lượt phục vụ L , T , Q , L , C , T và Đ sử dụng bằng hình thức hút. Sau khi cả nhóm sử dụng hết một lượt. T đang định tiếp tục phục vụ cả nhóm sử dụng lần thứ hai thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ tại vị trí bàn uống nước cả nhóm đang ngồi 02 viên ma túy cùng dụng cụ (ống hút tự chế). Khi có Công an đến bắt quả tang, thì Ngân Văn T và Ngân Văn L bỏ chạy.

Công an tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Hà Văn L thì phát hiện thu giữ tại vị trí sàn nhà 02 (*hai*) viên ma túy; tại vị trí lỗ gạch trên tường gần cửa bếp thu giữ một gói nilon màu xanh bên trong có chứa các viên ma túy.

Ngày 22/12/2022 Ngân Văn T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quan Hóa đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra Công an huyện Q đã tiến hành trưng cầu giám định đối với vật chứng nghi là ma túy nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số: 157/KL-KTHS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

02 (hai) viên nén hình trụ tròn màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,187g (không thấy một tám bảy gam), loại Methamphetamine.

Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine bám trên các mảnh giấy bạc của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định.

22 (hai mươi hai) viên nén hình trụ tròn màu hồng của phong bì ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 1,994g (một phẩy chín chín bốn gam), loại Methamphetamine.

Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine bám trên ống hút tự chế của hộp giấy niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định.

Cơ quan điều tra Công an huyện Q, đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hà Văn L về các tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại các điểm b, h khoản 2 Điều 255 và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; khởi tố Ngô Văn T và Ngân Văn T về tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Trong quá trình điều tra, xác định hai viên ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang trên bàn là địa điểm các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, đây là số ma túy vật chứng còn lại do các đối tượng chưa sử dụng hết, vì vậy hai viên ma túy này không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” đối với Hà Văn L.

Về vật chứng vụ án gồm:

- Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong của phong bì ký hiệu M1, M2, M3, hộp giấy catton; các mảnh giấy bạc của phong bì ký hiệu M2; 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu hồng có tổng khối lượng 0,096 (*không thấy không chín sáu gam*) của phong bì ký hiệu M1; 20 (hai mươi) viên nén hình trụ màu hồng có tổng khối lượng 1,811 g (*một phẩy tám một một gam*) của phong bì ký hiệu M3; 01 (một) chai nhựa màu trắng có gắn 02 (hai) đoạn ống luồng và một đoạn ống nhựa màu tím nằm trong hộp giấy catton. Tất cả được đựng trong một phong bì hộp giấy, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lê Minh T, Hà Mạnh H và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- 03 (ba) chiếc bật lửa; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen loại màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định 03 (ba) điện thoại di động tạm giữ của Ngô Văn T, Hà Văn C, Cao Hồng Đ, không phát hiện

nội dung liên quan đến vụ án. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-QH ngày 20/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo về các tội như sau:

Bị cáo Hà Văn L về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 và tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Các Bị cáo Ngô Văn T , Ngân Văn T về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều xác nhận, trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác. Bị cáo L khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép và tổ chức sử dụng ma túy trái phép là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm; bị cáo T và bị cáo T khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép và tổ chức sử dụng ma túy trái phép là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy, không kìm chế được bản thân nên đã cố tình phạm tội. Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình, công nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Tranh luận và luận tội: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về điều luật và hình phạt chính:

1. Đối với Hà Văn L : Áp dụng: Điểm b, h khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 (Tái phạm); Điều 50; Điều 53; Điều 55; Điều 17 BLHS. Xử phạt bị cáo Long: Từ **08** năm **06** tháng đến **09** năm tù về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Từ **16** đến **22** tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt là từ **09** năm **10** tháng đến **10** năm **10** tháng tù.

2. Đối với Ngô Văn T : Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 BLHS. Xử phạt bị cáo Tuấn từ **07** năm **03** tháng đến **07** năm **06** tháng tù về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

3. Đối với Ngân Văn T : Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17 BLHS. Xử phạt bị cáo Tùng từ **07**

năm **03** tháng đến **07** năm **06** tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo: Hà Văn L và Ngô Văn T tính từ ngày tạm giữ (20/12/2022); bị cáo Ngân Văn T tính từ ngày tạm giữ (22/12/2022)

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo L , T , T .

Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy, toàn bộ vỏ bao gói niêm phong của phong bì kí hiệu M1, M2, M3, hộp giấy catton; các mảnh giấy bạc của phong bì kí hiệu M2; 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu hồng có tổng khối lượng 0,096 (*không phải không chín sáu gam*) của phong bì kí hiệu M1; 20 (hai mươi) viên nén hình trụ màu hồng có tổng khối lượng 1,811 g (*một phải tám một một gam*) của phong bì kí hiệu M3; 01 (một) chai nhựa màu trắng có gắn 02 (hai) đoạn ống luồng và một đoạn ống nhựa màu tím nằm trong hộp giấy catton và 03 (ba) chiếc bật lửa; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen loại màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí HSST, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Các bị cáo nhận tội, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS và không đề nghị gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo L , T , T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát; Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đầy đủ, khách quan, nghiêm túc các bước điều tra, truy tố theo đúng nguyên tắc tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do đó những người tham gia tố tụng trong vụ án này không có khiếu nại gì.

Tại phiên tòa, có mặt người làm chứng Hà Văn C , những người làm chứng khác vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, các bị cáo không yêu cầu triệu tập những người này tham gia phiên tòa, vì vậy sự vắng mặt những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định; thời gian, không gian, địa điểm và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định:

- Hành vi của Hà Văn L : Chiều ngày 20/12/2022 nhận tiền của Ngô Văn T chuyển qua số tài khoản, trực tiếp đi mua ma túy về nhà cùng với Ngân Văn T tổ chức cho Bùi Nguyên Q , Cao Hồng Đ , Hà Văn C , Ngân Văn Lê, L , T và T cùng những người nêu trên sử dụng trái phép chất ma túy vào tối ngày 20/12/2022 (Tổ chức đối với 02 người trở lên) bị bắt quả tang là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm. L là người đang có tiền án, bị cáo đã phạm tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng (đây là hình vi tái phạm nguy hiểm) nên phải chịu 02 tình tiết định khung, hành vi của L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại các điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Hà Văn L cất dấu 22 (*hai mươi hai*) viên ma túy tổng hợp loại Methamphetamine, với tổng trọng lượng 1,994g (*một phẩy chín chín bốn gam*) để sử dụng riêng, đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do L có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nên L còn phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS (Tái phạm).

- Hành vi của Ngô Văn T : Là người khởi xướng liên lạc với bị cáo Hà Văn L rồi nhờ người chuyển tiền qua tài khoản của L để L đi mua ma túy và cho Ngân Văn T , Bùi Nguyên Q , Cao Hồng Đ , Hà Văn C , Ngân Văn L sử dụng trái phép vào tối ngày 20/12/2022 là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm. Hành vi của Ngô Văn T là đồng phạm với Hà Văn L , Ngân Văn T , đủ yếu tố cấu thành tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

- Hành vi của Ngân Văn T : Là người trực tiếp dùng dụng cụ, châm lửa đốt ma túy phục vụ cho các đối tượng nêu trên sử dụng trái phép chất ma túy, là hành vi đồng phạm với Hà Văn L , Ngô Văn T về tội *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Với các hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố các bị cáo về các hành vi nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, vì các bị cáo là những người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình

sự. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy là chất gây nghiện bị pháp luật nghiêm cấm, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về sức khỏe và đời sống xã hội, đồng thời cũng là tác nhân phát sinh các tội phạm khác. Bị cáo Tuấn đã chuẩn bị tiền để mua ma túy; Bị cáo L đã chuẩn bị ma túy và các công cụ để cho bị cáo T dùng các công cụ đó để cho các đối tượng sử dụng ma túy; Bị cáo L cố ý tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng riêng; hành vi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về quản lý chất ma túy của nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân:

- Bị cáo Hà Văn L : Tại bản án số 10/HSST ngày 17/9/1999 của TAND huyện Quan Hóa tuyên phạt Hà Văn L 18 tháng tù giam về tội Cường đoạt tài sản công dân, phần dân sự buộc phải bồi thường 545.000đ (*năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), và 100.000 (*một trăm nghìn đồng*) tiền án phí. Hà Văn L đã thi hành xong phần hình sự và án phí, chưa thi hành xong khoản bồi thường trong bản án. Tuy nhiên đã hết thời hiệu thi hành án nên bị cáo đương nhiên được xóa án tích. *Về tiền án:* Tại bản án số 187/2006/HSST ngày 18/7/2006 Hà Văn L bị TAND tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 02 năm tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, 05 năm tù về tội *Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*, tổng hợp hình phạt là 07 năm tù và phải chịu 50.000đ án phí sơ thẩm, 223.000đ tiền án phí dân sự, phải bồi thường số tiền 4.470.000đ. Hà Văn L đã thi hành xong phần hình sự của bản án, nhưng chưa thi hành xong phần án phí và phần bồi thường dân sự của bản án. Vì vậy bị cáo có 01 tiền án. Như vậy bị cáo Long có nhân thân xấu; có 01 tiền án; Không có tiền sự.

- Bị cáo Ngô Văn T không có tiền án; tiền sự.

- Bị cáo Ngân Văn T : Không có tiền án.

Tiền sự: Ngày 10/8/2021 bị Công an xã P , huyện Q ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, theo quy định điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo L , T , T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T đã đến cơ quan công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Với các tình tiết nêu trên, HĐXX xem xét, xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh và sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, khi áp dụng hình phạt có sự phân hóa hình phạt, xét từng hành vi của từng bị cáo gây ra để mỗi bị cáo có một mức án phù hợp và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa, đồng thời để các bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy;

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo người góp tiền, người góp công để cùng nhau sử dụng ma túy chứ không có mục đích khác; bị cáo Hà Văn L là người chuẩn bị ma túy và các dụng cụ để tổ chức cho các đối tượng sử dụng ma túy nên mức án nặng hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo T là người chỉ tiền cho Long mua ma túy với vai trò đồng phạm nhưng bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo L ; Bị cáo T với vai trò trực tiếp châm lửa đốt ma túy cho các đối tượng nêu trên sử dụng, bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ nên xử hình phạt nhẹ hơn bị cáo T là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo làm nghề Lao động tự do, thu nhập không ổn định. Nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho các bị cáo L , T , T là phù hợp. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe để các bị cáo rèn luyện, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hộ và phòng ngừa chung.

[6]. Xử lý vật chứng:

- Số ma túy tang vật của vụ án còn lại sau giám định là loại chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành. Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong của phong bì kí hiệu M1, M2, M3, hộp giấy catton; các mảnh giấy bạc của phong bì kí hiệu M2; 01 (một) chai nhựa màu trắng có gắn 02 (hai) đoạn ống luồng và một đoạn ống nhựa màu tím nằm trong hộp giấy catton và 03 (ba) chiếc bật lửa là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng. Do đó, HĐXX áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen loại màn hình cảm ứng đã qua sử dụng thu của bị cáo L, là công cụ bị cáo L dùng liên lạc với Tuấn trong quá trình phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước.

Tất cả tang vật nêu trên đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định 03 (ba) điện thoại di động tạm giữ của Ngô Văn T, Hà Văn C, Cao Hồng Đ, qua điều tra không phát hiện nội dung liên quan đến vụ án. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7]. Các vấn đề khác:

- Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho L ở địa phận bản Ta Bán, xã T, huyện Q nhưng L không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đang tiến hành điều tra xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

- Đối với anh Phạm Bá N là người được L thuê dùng phương tiện (Xe ô tô) để chở Hà Văn L đi mua ma túy, anh Nhất không biết việc mua bán ma túy của Hà Văn L nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh Phạm Bá N.

- Đối với Bùi Nguyên Q, Cao Hồng Đ, Hà Văn C, Ngân Văn L là người đã sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Hà Văn L. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Hà Văn L, Ngô Văn T, Ngân Văn T phải nộp án phí HSST và có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điểm b, điểm h khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Khoản 1 Điều 50; Điều 55; Điều 58; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 (Tái phạm); Điều 53; Điều 17 BLHS năm 2015 đối với bị cáo **Hà Văn L**.

Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Khoản 1 Điều 50; Điều 55; Điều 58; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 BLHS năm 2015 đối với bị cáo **Ngô Văn T**.

Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Khoản 1 Điều 50; Điều 55; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Ngân Văn T**.

Căn cứ:

Điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; Điều 260; Điểm a, c Khoản 2; điểm c khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Khoản 2 Điều 135; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 BLTTHS năm 2015.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đối với bị cáo Long, Tuấn, Tùng.

1. Tuyên:

Bị cáo **Hà Văn L** phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Các bị cáo: **Ngô Văn T** và **Ngân Văn T** phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Xử phạt:

Bị cáo: **Hà Văn L** : **08 (Tám)** năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt cho bị cáo Long là **09 (Chín)** năm **06 (Sáu)** tháng tù.

Bị cáo: **Ngô Văn T** : **07 (Bảy)** năm **03 (Ba)** tháng tù.

Bị cáo: **Ngân Văn T** : **07 (Bảy)** năm **02 (Hai)** tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của các bị cáo **L , T** tính từ ngày tạm giữ (**20/12/2022**); bị cáo **T** tính từ ngày tạm giữ (**22/12/2022**).

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Long, Tuấn, Tùng.

3. Xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong của phong bì kí hiệu M1, M2, M3, hộp giấy catton; các mảnh giấy bạc của phong bì kí hiệu M2; 01 (một) viên nén hình trụ tròn màu hồng có tổng khối lượng 0,096 (*không thấy không chín sáu gam*) của phong bì kí hiệu M1; 20 (hai mươi) viên nén hình trụ màu hồng có tổng khối lượng 1,811g (*một thấy tám một một gam*) của phong bì kí hiệu M3; 01 (một) chai nhựa màu trắng có gắn 02 (hai) đoạn ống luồng và một đoạn ống nhựa màu tím của hộp giấy catton. Tất cả được đựng trong một phong bì hộp giấy, được dán kín, niêm phong bởi các chữ kí ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ , Lê Minh T , Hà Mạnh H và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và 03 (ba) chiếc bật lửa.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen loại màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

Đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 05/05/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo L , T và T , mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Án xử công khai, có mặt các bị cáo; Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Q (03 bản);
- CQĐT Công an H. Q ;
- Nhà tạm giữ Công an H. Q ;
- Chi cục THADS huyện Q ;
- UBND xã P , H. Q ;
- UBND TT P , H. C ;
- Các bị cáo (03 bản);
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh

